

Tên: .....

Từ vựng & Ngữ pháp HW: .....

Lớp: S2...

Nghe HW: .....

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../.../...



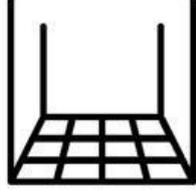
Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../.../...

## GE2 - Unit 8: Home, sweet home - Vocabulary 2

### A. THEORY

#### I. VOCABULARY

##### ❖ House (Ngôi nhà)

 <b>floor (n)</b> sàn nhà	 <b>roof (n)</b> mái nhà	 <b>stairs (n)</b> cầu thang	 <b>bedroom (n)</b> phòng ngủ	 <b>bathroom (n)</b> phòng tắm
 <b>kitchen (n)</b> nhà bếp	 <b>hall (n)</b> hành lang	 <b>garden (n)</b> khu vườn	 <b>living room (n)</b> phòng khách	

##### ❖ School things (Đồ dùng học tập)

 <b>calendar (n)</b> lịch	 <b>tablet (n)</b> máy tính bảng
--	---

##### ❖ Days of the week (Các ngày trong tuần)

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>Monday (n)</b>	thứ hai	5	<b>Friday (n)</b>	thứ sáu
2	<b>Tuesday (n)</b>	thứ ba	6	<b>Saturday (n)</b>	thứ bảy
3	<b>Wednesday (n)</b>	thứ tư	7	<b>Sunday (n)</b>	chủ nhật
4	<b>Thursday (n)</b>	thứ năm			

##### ❖ HOMEWORK: Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>pineapple juice (n)</b>	nước ép dứa	3	<b>giraffe (n)</b>	con hươu cao cổ
2	<b>chips (n)</b>	khoai tây chiên	4	<b>lemonade (n)</b>	nước chanh

\*Note: n = noun: danh từ.





CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (5 questions)  
STARTERS PART 3



Con làm bài nghe với link hoặc code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2-w29-homework-starters-part-3>



Listen and tick (✓) the box.

0. What's Bill doing?



A



B



C

1. What does Tom want?



A



B



C

2. Which is Lucy?



A

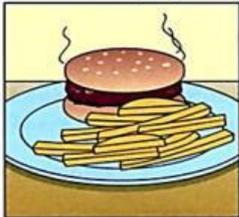


B

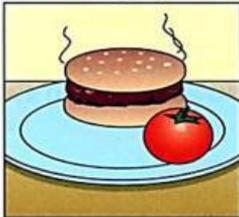


C

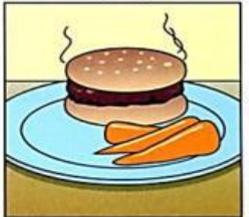
3. What's for lunch?



A

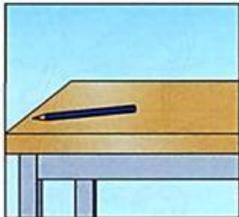


B



C

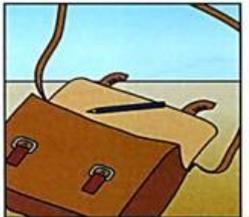
4. Where's Anna's pencil?



A



B

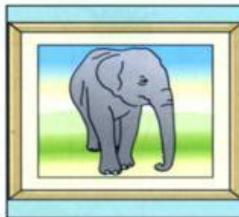


C

5. Which picture does Nick like?



A



B



C